

Market Today: Tỷ trọng cổ phiếu khuyến nghị tăng mạnh

17/07/2018

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	921.3	104.8	49.4
% ngày	1.12	1.65	0.25
% tuần	1.11	3.16	-0.27
% tháng	-9.37	-9.55	-6.88
% năm	19.82	6.28	-11.88
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	2,258.72	404.81	119.15
Hôm qua	2,248.27	401.30	131.92
TB 1 tháng	2,875.94	500.64	152.04
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	437.94	13.75	6.52
Bán	618.93	8.38	7.30
Giá trị ròng	(180.99)	5.37	(0.78)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	169	90	67
Mã Giảm	106	63	65
Không Đổi	78	231	602
Chỉ số chính			
P/E	17.4x	11.2x	9.4x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,894	196	800
LS Cổ tức	2.31	2.70	4.22

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Khi thông tin các mã VRE, VPB, PNJ được thêm vào danh mục VN30 đã làm cho giá của các cổ phiếu này tăng mạnh trong phiên VRE tăng trần trong phiên, VPB tăng 6.7% và PNJ tăng 4%. Bên cạnh đó, chốt cuối phiên, nhóm cổ phiếu Midcaps có nhiều mã tăng trần như: DXG, HNG, GTN, LDG, VHC...

Đóng cửa phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 1.12% lên 921.3 điểm; chỉ số HNX-Index tăng 1.65% lên 104.8 điểm và chỉ số Upcom-Index tăng nhẹ 0.25% đạt 49.4 điểm. Đặc biệt là nhóm ngân hàng vào cuối phiên đã có sự tăng giá vào cuối phiên cùng lượng thanh khoản lớn là động lực chính giúp thị trường hồi phục. Nhân tố chính là từ CTG tăng 5.3%, VCB tăng 1.6%, TCB tăng 3.4%, BID tăng 3.1%.

Ở chiều ngược lại, GAS và BVH vẫn là những cổ phiếu kim loại đà tăng của thị trường. Trên sàn HNX, VCS sau phiên khớp lệnh với khối lượng lớn trong ngày hôm qua đã trở thành cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực nhất tới chỉ số HNX-Index trong phiên hôm nay khi giảm giá 1.2%.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh vào cuối phiên khi dòng cổ phiếu ngân hàng chuyển sắc xanh thì dòng tiền đã quay lại thị trường và hỗ trợ rất tốt đà tăng giá của toàn thị trường. Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng tại thị trường Việt Nam với giá trị gần 180 tỷ đồng. Những mã có lượng mua và bán ròng lớn trong phiên như CTG (+34 tỷ), BID (+21 tỷ), VRE (+12 tỷ), VIC (-79 tỷ), VHM (-37 tỷ), HPG (-26 tỷ), MSN (-23 tỷ)

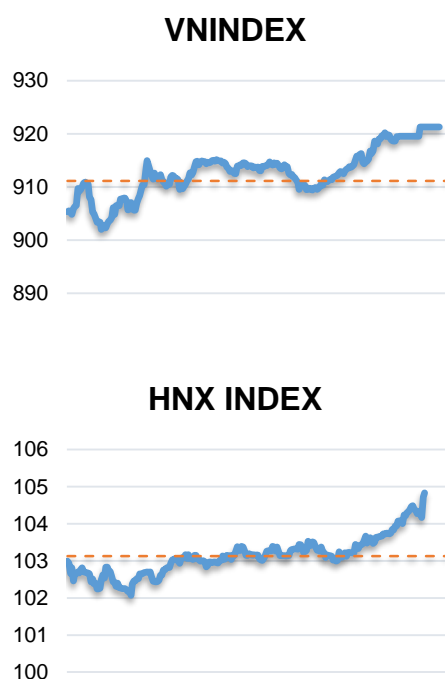
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục và tiến về vùng kháng cự 937 – 939 điểm của chỉ số VN-Index trong vài phiên tới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy dòng tiền có xu hướng vào nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn tiếp tục có chiều hướng giảm dần, đặc biệt dòng tiền ngắn hạn đã cải thiện đáng kể. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng dần và tâm lý nhà đầu tư đã lạc quan hơn, nhưng thị trường có thể sẽ xuất hiện các nhịp rung lắc trong phiên do ảnh hưởng từ áp lực chốt lời ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự của hệ thống ở mức 939.13 điểm và nâng xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index từ mức GIẢM lên TĂNG. Đồng thời, xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNMidcaps được nâng từ mức GIẢM lên TĂNG cho nên thị trường sẽ có sự phân hóa trong 1 – 2 phiên tới và dòng tiền có thể sẽ tiếp tục tập trung ở nhóm cổ phiếu này. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể dừng bán và tiếp tục nâng dần tỷ trọng cổ phiếu lên theo mức khuyến nghị 30% danh mục ở những cổ phiếu đã xác nhận xu hướng tăng hoặc thanh khoản cải thiện hơn, đặc biệt chú ý vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt trong nhóm Largecaps và Midcaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 28% cổ phiếu/72% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).





We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	915.0	997.0	895.0	830.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.85	GIẢM	GIẢM		18.57				21.72		
ACB	35.60	TĂNG	GIẢM	35.60	34.76	0.00%	MUA		41.80		
BFC	25.20	GIẢM	GIẢM		26.33				29.51		
BHN	83.00	GIẢM	GIẢM		91.26				114.62		
BID	24.90	GIẢM	GIẢM		25.09				31.68		
BMP	53.00	GIẢM	GIẢM		56.83				63.44		
BSR	14.60	GIẢM	GIẢM		15.54				20.28		
BVH	73.00	GIẢM	GIẢM		78.66				96.02		
BWE	16.80	GIẢM	GIẢM		16.98				19.32		
CEO	12.10	GIẢM	GIẢM		13.33				16.23		
CHP	23.00	GIẢM	GIẢM		23.34				23.35		
CSM	13.15	GIẢM	TĂNG		13.98			14.80	12.77	-11.15%	
CTD	146.00	GIẢM	TĂNG		149.03			155.00	128.22	-5.81%	
CTG	24.00	TĂNG	GIẢM	24.00	23.55	0.00%	MUA		28.58		
CTI	29.80	TĂNG	GIẢM	29.60	27.68	0.68%			33.12		
CVT	24.20	GIẢM	GIẢM		25.32				30.76		
DGW	21.95	GIẢM	GIẢM		23.18				27.79		
DHA	27.30	GIẢM	GIẢM		27.47				28.49		
DHC	37.10	GIẢM	GIẢM		40.68				46.93		
DHG	102.50	GIẢM	TĂNG		105.79			114.49	96.90	-10.47%	
DPG	38.50	GIẢM	GIẢM		43.29				62.77		
DPM	17.25	GIẢM	GIẢM		17.40				18.72		
DPR	38.20	GIẢM	GIẢM		39.34				41.59		
DQC	31.40	GIẢM	GIẢM		33.01				35.55		
DRC	23.70	TĂNG	GIẢM	23.70	23.52	0.00%	MUA		23.95		
DXG	23.75	TĂNG	GIẢM	23.75	23.37	0.00%	MUA		31.50		
ELC	9.05	GIẢM	GIẢM		9.99				12.07		
FCN	15.30	GIẢM	TĂNG		16.51			17.70	13.88	-13.56%	
FIT	4.10	GIẢM	GIẢM		4.29				5.43		
FMC	20.00	GIẢM	GIẢM		21.14				23.95		
FPT	41.90	GIẢM	GIẢM		42.23				49.37		
GAS	79.00	GIẢM	GIẢM		85.02				103.63		
GIL	40.25	GIẢM	TĂNG		41.44			34.90	40.00	15.33%	
GMD	25.00	GIẢM	GIẢM		25.22				28.97		
GTN	9.20	TĂNG	GIẢM	9.20	9.19	0.00%	MUA		10.62		
HAG	5.93	TĂNG	TĂNG	5.01	5.14	18.36%			5.68		
HAX	16.10	GIẢM	GIẢM		17.02				18.67		
HBC	21.50	GIẢM	GIẢM		22.68			25.90	21.52	-16.91%	



We Create Fortune

HDB	33.55	GIẢM	GIẢM		36.46				42.95		
HNG	12.85	TĂNG	TĂNG	8.36	10.92	53.71%		8.20	8.48	56.71%	
HPG	36.10	GIẢM	GIẢM		36.85			43.80	36.64	-16.34%	BÁN
HSG	10.10	GIẢM	GIẢM		11.05				13.72		
HT1	11.20	GIẢM	GIẢM		11.64				13.10		
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.43				7.21		
HVN	30.40	GIẢM	GIẢM		32.40				40.09		
ITD	11.85	GIẢM	TĂNG		12.63			12.40	11.14	-4.44%	
KBC	11.70	GIẢM	GIẢM		11.81				13.50		
KDH	30.00	GIẢM	GIẢM		30.29				34.41		
KSB	31.50	GIẢM	GIẢM		33.06				39.51		
LCG	9.00	GIẢM	GIẢM		9.44				10.40		
LIX	41.50	GIẢM	GIẢM		42.07				45.67		
LPB	10.50	GIẢM	GIẢM		11.24				14.25		
LSS	6.80	GIẢM	GIẢM		7.69				8.72		
MSN	74.50	GIẢM	GIẢM		78.81				91.78		
MWG	112.00	TĂNG	TĂNG	112.00	111.75	0.00%	MUA	121.00	104.78	-7.44%	
NKG	13.85	GIẢM	GIẢM		14.61				18.17		
NLG	30.00	TĂNG	GIẢM	29.80	27.31	0.67%	MUA		31.83		
NT2	26.35	TĂNG	GIẢM	29.80	26.14	-11.58%			28.69		
NTL	9.50	GIẢM	TĂNG		9.88			10.45	8.94	-9.09%	
NTP	43.50	GIẢM	GIẢM		45.82				52.79		
PAC	39.40	TĂNG	GIẢM	42.50	38.23	-7.29%			42.18		
PC1	31.90	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	-1.24%			34.50		
PDR	25.25	GIẢM	GIẢM		26.83				32.23		
PGC	14.25	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.70%			15.72		
PHR	20.10	GIẢM	GIẢM		20.56				23.77		
PLC	17.00	TĂNG	GIẢM	17.00	16.94	0.00%	MUA		19.08		
PLX	54.00	GIẢM	GIẢM		58.15				69.01		
PNJ	93.90	TĂNG	GIẢM	90.30	77.98	3.99%			103.44		
POW	11.00	GIẢM	GIẢM		11.91				13.91		
PPC	17.30	GIẢM	GIẢM		17.93				19.21		
PTB	59.40	TĂNG	GIẢM	59.40	58.53	0.00%	MUA		64.10		
PVD	12.20	GIẢM	GIẢM		13.42				16.92		
PVI	29.10	GIẢM	GIẢM		29.82				33.76		
PVS	15.70	GIẢM	GIẢM		16.93				21.30		
PXS	4.99	GIẢM	GIẢM		5.09				6.31		
RAL	90.50	GIẢM	GIẢM		97.11				115.54		
REE	30.70	GIẢM	GIẢM		31.32				35.52		
SAB	218.00	GIẢM	TĂNG		227.26			252.40	207.41	-13.63%	
SAM	6.84	GIẢM	GIẢM		7.01				7.81		
SBV	27.00	TĂNG	GIẢM	27.00	26.92	0.00%	MUA		31.00		
SCR	8.75	TĂNG	GIẢM	8.75	8.60	0.00%	MUA		10.30		



We Create Fortune

SHI	6.53	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-6.71%		6.99	5.88	-6.58%	
SJS	17.50	GIẢM	GIẢM		19.53				22.77		
SKG	18.55	GIẢM	GIẢM		19.44				21.97		
SSI	27.80	GIẢM	GIẢM		29.51				34.19		
STB	10.75	GIẢM	GIẢM		10.96				13.08		
SVC	43.00	GIẢM	GIẢM		46.21				49.74		
TCM	17.40	GIẢM	GIẢM		17.65				22.02		
TDH	11.85	GIẢM	GIẢM		12.77				15.54		
TLH	7.60	GIẢM	GIẢM		8.16				9.50		
TMT	6.30	GIẢM	GIẢM		7.28				8.74		
TNG	10.80	TĂNG	GIẢM	10.80	10.64	0.00%	MUA		12.03		
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.34				13.17		
VCB	55.80	GIẢM	GIẢM		56.34				64.41		
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		40.26			44.69	33.47	-17.21%	
VGC	17.60	GIẢM	GIẢM		19.28				24.67		
VIB	25.80	GIẢM	GIẢM		26.25				34.84		
VIC	104.00	GIẢM	GIẢM		110.01				109.53		
VIP	6.80	GIẢM	GIẢM		6.91				7.40		
VJC	132.10	GIẢM	GIẢM		141.22				154.12		
VKC	6.10	GIẢM	TĂNG		6.22			6.80	5.68	-10.29%	
VNM	167.90	GIẢM	GIẢM		173.80				184.77		
VPB	29.45	TĂNG	GIẢM		28.96				33.19		
VRC	16.60	GIẢM	GIẢM		16.91				19.26		
VRE	40.40	TĂNG	GIẢM		38.77				46.29		
VSC	32.30	GIẢM	TĂNG		34.71			35.30	29.50	-8.50%	
VSH	17.20	TĂNG	TĂNG	17.20	16.56	0.00%	MUA	17.40	16.36	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	921.27	1.12
VN30	915.53	1.26
VN Mid	926.04	2.11
VN Small	781.83	0.30

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	437.94	
Bán	618.93	
GT ròng	(180.99)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DXG	1,550	7.0%
GTN	600	7.0%
VHC	4,100	6.9%
VRE	2,600	6.9%
PTB	3,800	6.8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BVH	(2,600)	-3.4%
AMD	(110)	-2.9%
GAS	(2,200)	-2.7%
ITC	(200)	-1.5%
HAI	(50)	-1.4%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	331,929	
VHM	284,039	
VNM	243,664	
VCB	200,755	
GAS	151,202	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	15.74	6.27
CTG	9.66	5.11
VPB	8.72	4.06
FLC	7.60	7.38
HNG	4.25	2.86

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.83	1.65
HN30	185.32	0.92
VNX AllSh	1,305.58	1.60

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.75	
Bán	8.38	
GT ròng	5.37	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TV2	6,100	6.0%
TNG	500	4.9%
VC3	700	3.7%
ACB	1,100	3.2%
DP3	2,400	3.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	(1,600)	-4.4%
DBC	(900)	-3.6%
VCS	(1,200)	-1.3%
PGS	(400)	-1.2%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,608	
VCS	14,832	
SHB	9,625	
VGC	7,891	
PVS	7,013	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	7.74	6.41
ACB	5.13	4.87
MST	2.15	0.57
PVS	2.11	3.36
VGC	1.65	2.59

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	49.42	0.25

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	6.52	
Bán	7.30	
GT ròng	(0.78)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	200	1.9%
VIB	200	0.8%
HVN	200	0.7%
ACV	300	0.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	(100)	-0.7%
BSR	(100)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	176,347	
MCH	47,262	
BSR	44,957	
HVN	38,176	
GVR	31,600	

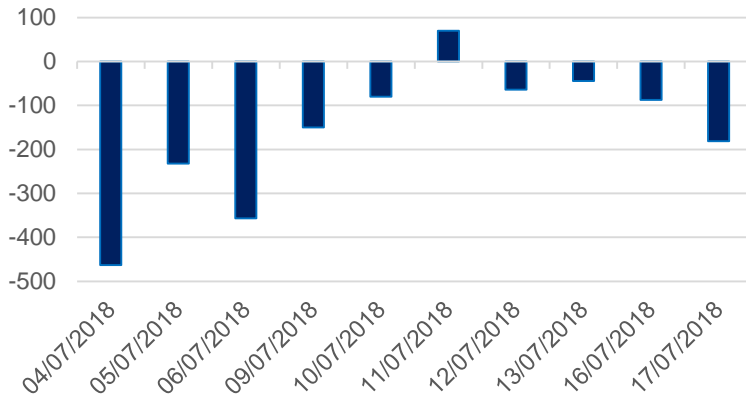
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ART	1.63	0.79
LPB	1.57	1.19
POW	0.70	1.08
BSR	0.45	1.20
OIL	0.30	0.72

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

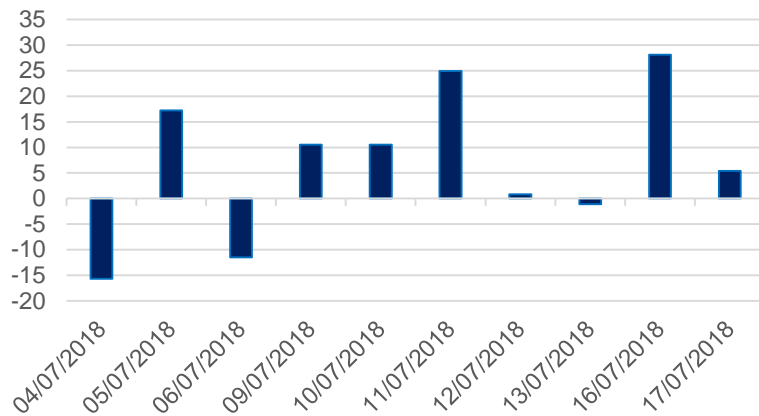
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
CTG	33,576.51	VIC	-78,669.35
BID	20,562.65	VHM	-37,472.58
VRE	11,542.20	HPG	-26,944.42
KDC	7,221.30	MSN	-23,188.55
DXG	4,989.59	HDB	-18,364.61

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

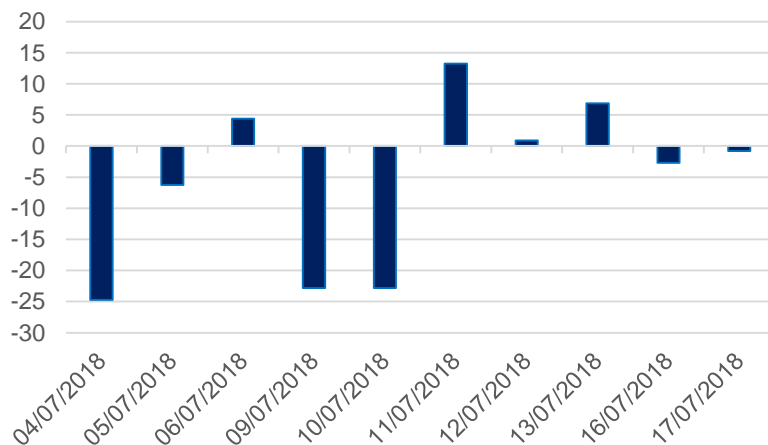
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	2,182.84	NDN	-258.56
PVS	1,837.89	NAG	-203.36
SHS	1,125.83	CAP	-184.28
SHB	1,011.81	MBG	-165.00
DHT	110.60	DBC	-74.10

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	1,205.09	BSR	-1,430.92
SCS	300.85	OIL	-928.74
VEA	183.50	ACV	-155.09
VGG	112.70	HVN	-123.94
TCW	59.50	ART	-102.78

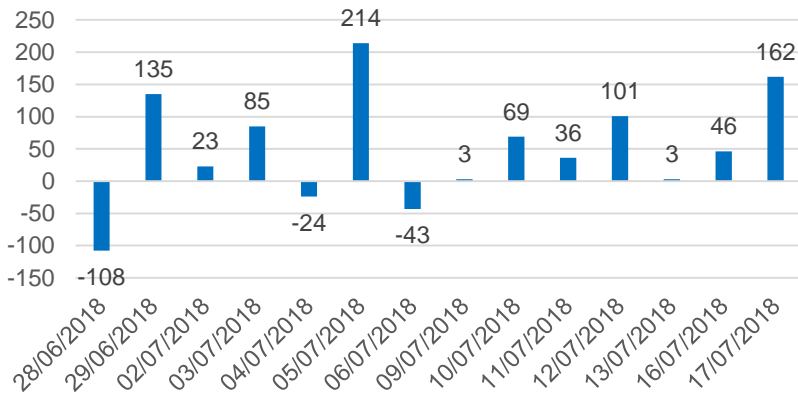
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

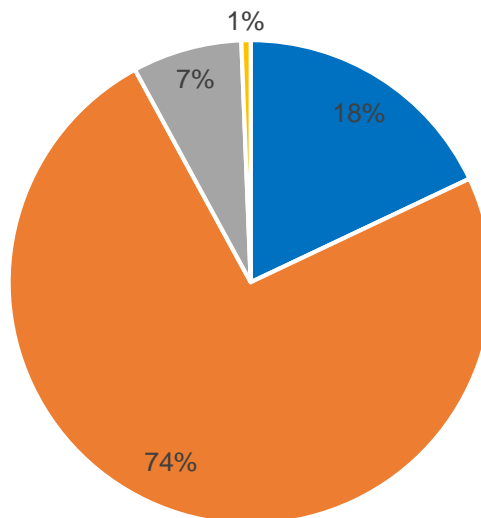


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
VPB	33,209	VIC	12,288
VIC	21,070	VIC	7,725
HPG	12,533	FPT	1,251
VNM	9,811	CTD	1,105
VPB	8,243	VNM	812

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



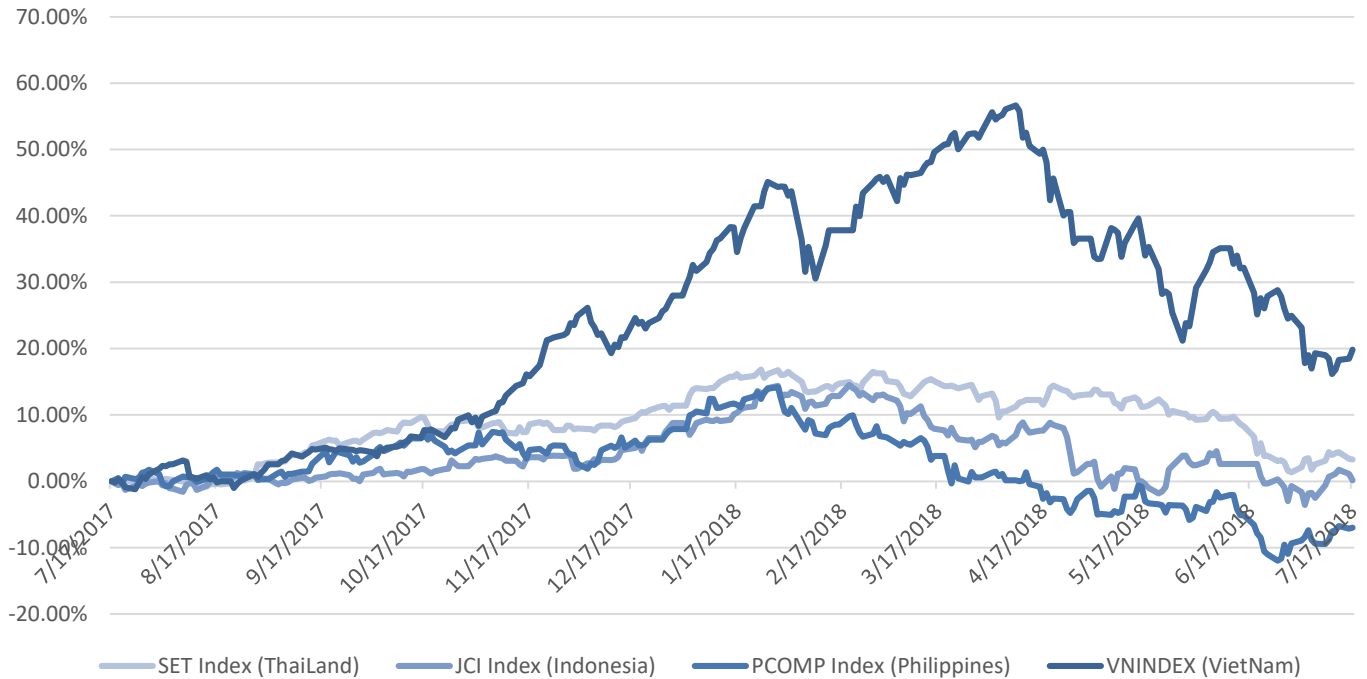
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

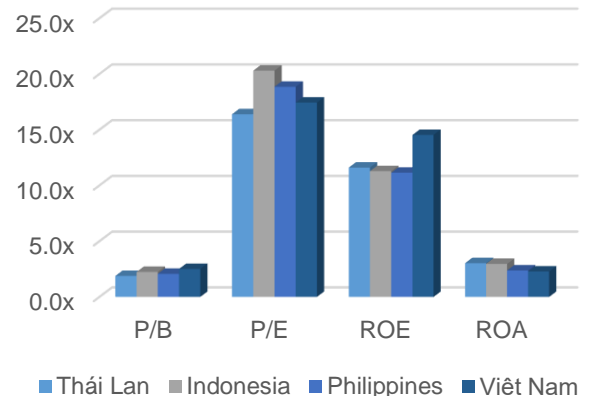
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		16.4x	20.3x	18.9x	17.4x
ROE	%	11.60	11.28	11.14	14.53
ROA	%	3.03	2.96	2.37	2.28
Vốn hóa	Tỷ USD	493.09	464.39	172.05	125.51
GTGD	Triệu USD	0.97	0.31	0.03	0.10
LS cổ tức	%	3.17	2.34	1.70	2.31

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written